


THANG ĐIỂM VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ
ĐỐI VỚI THÍ SINH DỰ TUYỂN CAO HỌC ĐỢT 1 NĂM 2026

Thang điểm đánh giá thí sinh dự tuyển cao học theo quy định là 100 điểm. Tiêu chí và thang điểm đánh giá cụ thể như sau:

1. Kết quả học tập ở bậc đại học được thể hiện thông qua điểm trung bình chung học tập toàn khóa học, tối đa 50 điểm, theo các thang điểm cụ thể như sau:

TT	Điểm trung bình chung học tập toàn khóa học ở bậc đại học	Điểm đánh giá
1.	Xuất sắc (từ 3,6 đến 4,0 theo thang điểm 4 hoặc tương đương)	50,0 điểm
2.	Giỏi (từ 3,2 đến 3,59 theo thang điểm 4 hoặc tương đương)	45,0 điểm
3.	Khá (từ 2,5 đến 3,19 theo thang điểm 4 hoặc tương đương)	40,0 điểm
4.	Trung bình (từ 2,0 đến 2,49 theo thang điểm 4 hoặc tương đương). <i>Riêng đối với thí sinh dự tuyển vào CTĐT theo định hướng nghiên cứu, phải kèm theo điều kiện có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu theo quy định của Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>	35,0 điểm

2. Thâm niên, kinh nghiệm công tác kể từ khi tốt nghiệp đại học luật (tính cộng dồn thời gian thực tế làm việc), tối đa 15,0 điểm đối với định hướng nghiên cứu và tối đa 25,0 điểm đối với định hướng ứng dụng, theo thang điểm như sau:

- *Đối với định hướng nghiên cứu:*

TT	Thâm niên, kinh nghiệm công tác	Điểm đánh giá
1.	Từ 10 năm trở lên	15,0 điểm
2.	Từ 08 năm đến dưới 10 năm	12,0 điểm
3.	Từ 06 năm đến dưới 08 năm	9,0 điểm
4.	Từ 04 năm đến dưới 06 năm	7,0 điểm
5.	Từ 02 năm đến dưới 04 năm	5,0 điểm
6.	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	3,0 điểm

- *Đối với định hướng ứng dụng:*

TT	Thâm niên, kinh nghiệm công tác	Điểm đánh giá
1.	Từ 10 năm trở lên	25,0 điểm
2.	Từ 08 năm đến dưới 10 năm	20,0 điểm
3.	Từ 06 năm đến dưới 08 năm	15,0 điểm
4.	Từ 04 năm đến dưới 06 năm	10,0 điểm
5.	Từ 02 năm đến dưới 04 năm	5,0 điểm
6.	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	3,0 điểm

3. Kết quả đánh giá sản phẩm/hoạt động khoa học đã công bố/tham gia liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu (nếu có nhiều sản phẩm cùng một hạng

mục thi mỗi sản phẩm đều được tính điểm và được cộng vào tổng điểm nhưng không vượt quá mức tối đa), tối đa 25,0 điểm đối với định hướng nghiên cứu và tối đa 15,0 điểm đối với định hướng ứng dụng, theo thang điểm cụ thể như sau:

TT	Sản phẩm/hoạt động khoa học đã công bố/tham gia	Điểm đánh giá
1	<i>Đề tài, đề án nghiên cứu khoa học các cấp</i> (trong trường hợp có nhiều người tham gia, số điểm sẽ được chia đều cho các thành viên)	
	- Chủ nhiệm đề tài, đề án cấp Nhà nước	15,0 điểm
	- Thư ký, tác giả chuyên đề đề tài, đề án cấp Nhà nước	10,0 điểm
	- Chủ nhiệm đề tài, đề án cấp Bộ	10,0 điểm
	- Thư ký, tác giả chuyên đề đề tài, đề án cấp Bộ	5,0 điểm
	- Chủ nhiệm đề tài, đề án cấp cơ sở	5,0 điểm
	- Thư ký, tác giả chuyên đề đề tài, đề án cấp cơ sở	3,0 điểm
2	<i>Sản phẩm nghiên cứu khoa học đạt giải thưởng</i> (trong trường hợp có nhiều người tham gia, số điểm sẽ được chia đều cho các thành viên)	
	- Giải thưởng cấp quốc gia (giải nhất, nhì, ba và khuyến khích)	10,0 điểm
	- Giải thưởng cấp bộ (giải nhất, nhì, ba và khuyến khích)	7,0 điểm
	- Giải thưởng cấp cơ sở (giải nhất, nhì, ba)	3,0 điểm
3	<i>Bài báo, báo cáo đăng trên ấn phẩm, tạp chí chuyên ngành luật</i> (trong trường hợp đồng tác giả, số điểm sẽ được chia đều cho các tác giả)	
	- Thuộc danh mục Web of Science hoặc SCOPUS	12,0 điểm
	- Thuộc danh mục tạp chí được tính 1 điểm theo quy định của Hội đồng giáo sư Nhà nước	10,0 điểm
	- Thuộc danh mục tạp chí được tính 0,75 điểm theo quy định của Hội đồng giáo sư Nhà nước	8,0 điểm
	- Thuộc danh mục tạp chí được tính 0,5 điểm theo quy định của Hội đồng giáo sư Nhà nước	4,0 điểm
	- Thuộc danh mục tạp chí được tính 0,25 điểm theo quy định của Hội đồng giáo sư Nhà nước	2,0 điểm
4	<i>Sách chuyên khảo, tham khảo, giáo trình, tài liệu hướng dẫn học tập</i> (trong trường hợp đồng chủ biên/ tác giả, số điểm sẽ được chia đều cho các chủ biên/tác giả)	
	- Chủ biên sách, giáo trình, tài liệu hướng dẫn học tập của nhà xuất bản quốc tế có uy tín	15,0 điểm
	- Tác giả chương sách, giáo trình, tài liệu hướng dẫn học tập của nhà xuất bản quốc tế có uy tín	12,0 điểm
	- Chủ biên sách chuyên khảo của nhà xuất bản có uy tín trong nước	12,0 điểm
	- Tác giả chương sách chuyên khảo của nhà xuất bản có uy tín trong nước	8,0 điểm
	- Chủ biên sách tham khảo, giáo trình, tài liệu hướng dẫn học tập của nhà xuất bản trong nước	8,0 điểm

fan

TT	Sản phẩm/hoạt động khoa học đã công bố/tham gia	Điểm đánh giá
	- Tác giả chương sách tham khảo, giáo trình, tài liệu hướng dẫn học tập của nhà xuất bản trong nước	5,0 điểm
5	<i>Báo cáo khoa học tại hội nghị/hội thảo có phân biện</i> (trong trường hợp đồng tác giả, số điểm sẽ được chia đều cho các tác giả)	
	- Hội nghị/hội thảo quốc tế tổ chức ở nước ngoài	10,0 điểm
	- Hội nghị/hội thảo quốc tế tổ chức tại Việt Nam	8,0 điểm
	- Hội nghị/hội thảo cấp quốc gia	6,0 điểm
	- Hội nghị/hội thảo cấp bộ	4,0 điểm
	- Hội nghị/hội thảo cấp cơ sở	3,0 điểm
6	<i>Tham gia ban soạn thảo, tổ biên tập các văn bản pháp luật</i>	
	- Ban soạn thảo, tổ biên tập các văn bản Luật, Nghị định hoặc tương đương	8,0 điểm
	- Ban soạn thảo, tổ biên tập các thông tư hoặc văn bản quy phạm pháp luật tương đương cấp Bộ; tham gia soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật của UBND cấp tỉnh	6,0 điểm
7	<i>Đạt giải thưởng trong các cuộc thi tranh tụng, hùng biện, phiên tòa giả định hoặc các cuộc thi khác liên quan đến lĩnh vực pháp luật</i> (trong trường hợp có nhiều người tham gia, số điểm sẽ được chia đều cho các thành viên)	
	- Đạt giải thưởng trong các cuộc thi quốc tế (giải nhất, nhì, ba và khuyến khích)	12,0 điểm
	- Đạt giải thưởng trong các cuộc thi cấp quốc gia (giải nhất, nhì, ba và khuyến khích)	10,0 điểm
	- Đạt giải thưởng trong các cuộc thi cấp bộ (giải nhất, nhì, ba và khuyến khích)	8,0 điểm
	- Đạt giải thưởng trong các cuộc thi cấp cơ sở (giải nhất, nhì, ba)	6,0 điểm

4. Trình độ ngoại ngữ tương đương từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam, tối đa 10,0 điểm theo thang điểm cụ thể:

TT	Trình độ ngoại ngữ	Điểm đánh giá
1.	Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam; hoặc tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ở nước ngoài.	10,0 điểm
2.	Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam; hoặc tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành sư phạm tiếng nước ngoài/ngôn ngữ nước ngoài; hoặc tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.	8,0 điểm
3.	Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương.	5,0 điểm

free